

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh H.

2. Ông Nguyễn Thành H1.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn A – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 32/2022/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp MK, xã TT, huyện M, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp MK, xã TT, huyện M, tỉnh L.

Ông L2 có mặt; bà X vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L2: Ông Nguyễn Văn L2 yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim X. Về con chung, ông L2 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2017; yêu cầu bà X trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/4/2016, ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hải Đ. Bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đăng K. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Yêu cầu, đề nghị của bà Nguyễn Thị Kim X: Bà X không đồng ý ly hôn. Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn, bà X đồng ý việc ông L2 trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2017; bà X nuôi dưỡng Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/4/2016. Bà X đồng ý ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hải Đ. Bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đăng K.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do ông Nguyễn Văn L2 cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của ông L2 (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh (bản sao), bản tự khai.

Chứng cứ do bà Nguyễn Thị Kim X cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án tiến hành: Biên bản hòa giải không thành.

Các tình tiết của vụ án:

Các đương sự trình bày thống nhất:

Ông L2 và bà X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT năm 2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/4/2016 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2017. Thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được, vợ chồng không còn sống chung.

Các đương sự trình bày không thống nhất:

Bà X trình bày: Mâu thuẫn do ông L2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà đánh đập bà X nhưng bà X xét thấy còn tình cảm nên dù ông L2 có như thế thì bà X cũng chấp nhận, bà X chờ ông L2 sửa đổi chứ không đồng ý ly hôn.

Ông L2 trình bày: Ông L2 xác định không còn tình cảm với bà X.

Ông L2 đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị Kim X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông L2 khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia

đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim X: Bà Nguyễn Thị Kim X vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà X.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L2:

[3.1]. Ông L2 trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Tại phiên hòa giải, bà X trình bày ông L2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà đánh đập bà X. Tại phiên tòa, bà X vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của ông L2 cũng như của bà X tại phiên hòa giải để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo lời trình bày của ông L2 và bà X thể hiện cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc. Cả hai không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc bà X vắng mặt thể hiện bà X không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3.3]. Ông L2 xác định không còn tình cảm với bà X. Bà X trình bày còn tình cảm với ông L2 nhưng bà X cho rằng ông L2 có quan hệ tình cảm với người khác, bà X cũng chấp nhận, chờ ông L2 sửa đổi. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa ông L2 và bà X không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa ông L2 và bà X lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L2 đối với bà X.

[4]. Về con chung: Xét thấy, các đương sự thống nhất việc để ông L2 trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2017; bà X nuôi dưỡng Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/4/2016. Việc thống nhất này phù hợp quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông L2 về việc nuôi con chung.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, các đương sự thống nhất việc ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hải Đ; bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đăng K. Việc thống nhất này phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6]. Về tài sản chung: Xét thấy, các đương sự thống nhất xác định không có tài sản chung, nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có tài sản chung.

[7]. Về nợ chung: Xét thấy, các đương sự thống nhất xác định không có nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có nợ chung.

[8]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L2 phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L2 đối với bà Nguyễn Thị Kim X, cho ông L2 được ly hôn bà X.

2. Về con chung:

2.1. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L2 về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông L2 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2017, con chung đang ở với ông L2; bà X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/4/2016, con chung đang ở với ông L2 nên ông L2 có nghĩa vụ giao con cho bà X.

2.2. Ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hải Đ; bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đăng K.

2.3. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng

nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị Kim X về việc không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị Kim X về việc không có nợ chung.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc ông Nguyễn Văn L2 phải chịu án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí ông L2 đã nộp theo biên lai số 0010379 ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, ông L2 đã nộp đủ án phí.

6. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn L2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kim X có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1